

Quy Nhơn, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

- Kính gửi:
- Bộ Kế hoạch đầu tư;
 - Trung tâm công nghệ thông tin - Bộ Giao thông vận tải;
 - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VII báo cáo công bố thông tin doanh nghiệp định kỳ như sau.

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021. (Báo cáo tài chính năm 2021 kèm theo).

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VII trân trọng kính báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban lãnh đạo Cty;
- Kiểm soát viên;
- Website công ty;
- Lưu VT, TCKT.



Lê Văn Xếp

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG THỨC VÀ CÔNG NGHỆ
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG THỨC VÀ CÔNG NGHỆ
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG THỨC VÀ CÔNG NGHỆ

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG THỨC VÀ CÔNG NGHỆ
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG THỨC VÀ CÔNG NGHỆ
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG THỨC VÀ CÔNG NGHỆ

BÁO CÁO

Công báo thông tin doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Hồ sơ báo cáo tài chính
- Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính kèm theo
- Tổng công ty báo cáo tài chính báo cáo tài chính

Thực hiện Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Công Thức Và Công Nghệ báo cáo tài chính năm 2021 theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Thông tin chi tiết về báo cáo tài chính năm 2021, xin vui lòng truy cập vào địa chỉ sau:

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Công Thức Và Công Nghệ, địa chỉ: Văn phòng Công ty



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

1/2 Trang



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

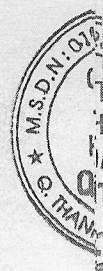
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 19 |

STT
CỘT
KIỂM
S
7/20

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

1. Ông Nguyễn Hữu Nghiêm Chủ tịch

Giám đốc

1. Ông Lê Văn Xếp Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Văn Xếp – Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Quy Nhơn, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Số: 011801/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2022, từ trang 4 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

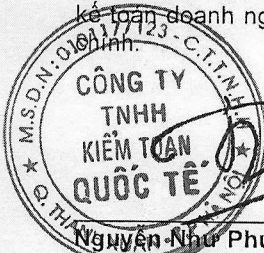
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-01
Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-01

12
G
HH
TO
C
N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

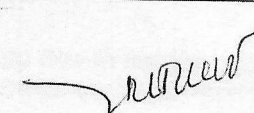
| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 11.716.707.880 | 12.220.984.640 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 3.276.229.828 | 1.621.685.515 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.776.229.828 | 1.621.685.515 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 500.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 8.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 8.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 302.618.512 | 320.789.390 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 93.382.347 | 54.391.156 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 20.580.000 | 40.000.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 188.656.165 | 226.398.234 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 13.656.261 | 14.119.482 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 13.656.261 | 14.119.482 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 124.203.279 | 264.390.253 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.5a | 58.933.363 | 148.678.501 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 46.491.884 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.8a | 18.778.032 | 115.711.752 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 10.483.447.932 | 9.882.311.427 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.000.000 | 3.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 3.000.000 | 3.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 9.985.875.619 | 9.572.517.785 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 9.985.875.619 | 9.572.517.785 |
| - Nguyên giá | 222 | | 14.726.300.920 | 13.930.548.738 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (4.740.425.301) | (4.358.030.953) |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 494.572.313 | 306.793.642 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.5b | 494.572.313 | 306.793.642 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 22.200.155.812 | 22.103.296.067 |

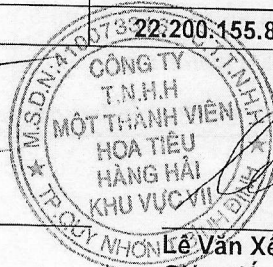
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 3.324.055.419 | 3.371.528.139 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.235.555.419 | 3.297.028.139 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | - | 79.200.000 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.8b | 144.423.968 | 88.382.449 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 1.764.917.228 | 2.112.761.732 |
| 4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.326.214.223 | 1.016.683.958 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 88.500.000 | 74.500.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.6 | 88.500.000 | 74.500.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 18.876.100.393 | 18.731.767.928 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.9 | 18.876.100.393 | 18.731.767.928 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 18.564.099.192 | 18.564.099.192 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 312.001.201 | 167.668.736 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | - | - |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 22.200.155.812 | 22.103.296.067 |


Trịnh Minh Hiệp
Người lập


Trịnh Minh Hiệp
Kế toán trưởng



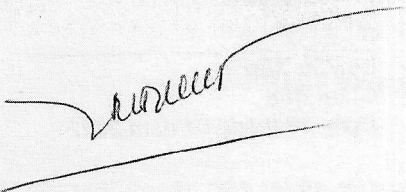

Lê Văn Xếp
Giám đốc

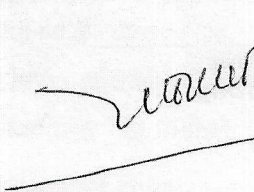
Ngày 18 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 14.479.104.286 | 13.453.744.846 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 14.479.104.286 | 13.453.744.846 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 6.656.571.829 | 5.535.125.497 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 7.822.532.457 | 7.918.619.349 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 447.014.482 | 602.631.426 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | | 63.207.000 | 43.065.000 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 5.623.478.861 | 6.178.014.506 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 2.582.861.078 | 2.300.171.269 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 69 | 12 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | 69 | 12 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 2.582.861.147 | 2.300.171.281 |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.5 | 523.323.029 | 325.313.489 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 2.059.538.118 | 1.974.857.792 |


Trịnh Minh Hiệp
Người lập


Trịnh Minh Hiệp
Kế toán trưởng




Lê Văn Xếp
Giám đốc
Ngày 18 tháng 01 năm 2022

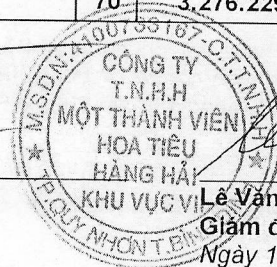
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-----------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 2.582.861.147 | 2.300.171.281 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 382.394.348 | 421.629.351 |
| (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (447.014.482) | (602.631.426) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 2.518.241.013 | 2.119.169.206 |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | 32.374.358 | (125.825.769) |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | 463.221 | (12.012.646) |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả | 11 | (490.906.047) | 985.382.797 |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | (98.033.533) | (154.509.168) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (389.419.967) | (543.090.531) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (1.605.675.388) | (1.424.960.536) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (32.956.343) | 844.153.353 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (795.752.182) | (122.971.273) |
| 2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (4.000.000.000) | (10.300.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 6.000.000.000 | 8.300.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 483.252.838 | 549.186.220 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 1.687.500.656 | (1.573.785.053) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 1.654.544.313 | (729.631.700) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 1.621.685.515 | 2.351.317.215 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 3.276.229.828 | 1.621.685.515 |

Trịnh Minh Hiệp
Người lập

Trịnh Minh Hiệp
Kế toán trưởng



Lê Văn Xếp
Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100733167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2011. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THE SEVENTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGER - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4100733167 thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018, vốn điều lệ là 18.971.000.000 đồng (Mười tám tỷ chín trăm bảy mươi một triệu đồng). Đến thời điểm báo cáo này, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 18.564.099.192 đồng.

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty được góp bởi Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam. Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam hoạt động theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao thuộc địa phận hai tỉnh Quy Nhơn và Ninh Thuận.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao; đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải; kinh doanh dịch vụ tàu lai;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 27 người)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------|---------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 50 |
| Máy móc và thiết bị | 07 |
| Phương tiện vận tải | 10 - 13 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm, các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo toàn bộ chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ khác phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 231.207.000 | 134.548.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.545.022.828 | 1.487.137.515 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 500.000.000 | - |
| Cộng | 3.276.229.828 | 1.621.685.515 |

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định với lãi suất là 2,9%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 8.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Cộng | 8.000.000.000 | 10.000.000.000 |

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định với lãi suất từ 4,6%/năm - 5,1%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Đại lý tàu biển và Dịch vụ hàng hải Đại Dương Xanh | 36.428.312 | 1.650.000 |
| Công ty TNHH Thương mại và tiếp vận Quốc tế | 22.372.366 | 6.903.000 |
| Công ty Liên Doanh Pii Việt Nam | 16.089.524 | 16.352.470 |
| Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Quốc tế và Xuất nhập khẩu DHT tại Bình Định | 14.905.418 | - |
| Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác | 3.586.727 | 29.485.686 |
| Cộng | 93.382.347 | 54.391.156 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

a. Ngắn hạn

- Lãi dự thu ngân hàng
- Phải thu khác

Cộng

b. Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ dài hạn

Cộng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------|--------------------|
| | 188.656.165 | 224.894.521 |
| | - | 1.503.713 |
| | 188.656.165 | 226.398.234 |
| | 3.000.000 | 3.000.000 |
| | 3.000.000 | 3.000.000 |

5. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng
- Chi phí mua bảo hiểm
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác

Cộng

b. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí sửa chữa
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng
- Chi phí trả trước dài hạn khác

Cộng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------|--------------------|
| | 6.223.106 | 31.116.669 |
| | 22.758.213 | 22.663.287 |
| | 29.952.044 | 94.898.545 |
| | 58.933.363 | 148.678.501 |
| | 201.311.367 | 29.302.371 |
| | 268.542.515 | 195.231.755 |
| | 24.718.431 | 82.259.516 |
| | 494.572.313 | 306.793.642 |

6. Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------|-------------------|
| | 88.500.000 | 74.500.000 |
| | 88.500.000 | 74.500.000 |

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIẾU HÀNG HẢI KHU VỰC VII
Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng,
Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tổng VND |
|-------------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 11.190.481.542 | 596.176.273 | 1.847.529.286 | 296.361.637 | 13.930.548.738 |
| Mua trong năm | - | - | 795.752.182 | - | 795.752.182 |
| Số dư cuối năm | 11.190.481.542 | 596.176.273 | 2.643.281.468 | 296.361.637 | 14.726.300.920 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.805.334.861 | 596.176.273 | 1.745.078.602 | 211.441.217 | 4.358.030.953 |
| Khấu hao trong năm | 223.085.976 | - | 120.847.105 | 38.461.267 | 382.394.348 |
| Số dư cuối năm | 2.028.420.837 | 596.176.273 | 1.865.925.707 | 249.902.484 | 4.740.425.301 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 9.385.146.681 | - | 102.450.684 | 84.920.420 | 9.572.517.785 |
| Tại ngày cuối năm | 9.162.060.705 | - | 777.355.761 | 46.459.153 | 9.985.875.619 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.641.379.014 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 732.849.728 đồng).

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII
Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng,
Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a. Các khoản phải thu

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế nhà đất, tiền thuế đất

Cộng

b. Các khoản phải nộp

Thuế giá trị gia tăng
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế nhà đất, tiền thuế đất

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp/bù trừ trong năm VND | Số cuối năm VND |
|--|--------------------|---------------------------------|---|--------------------|
| | 115.711.752 | 115.711.752 | - | - |
| | 115.711.752 | 115.711.752 | 18.778.032 | 18.778.032 |
| | 16.587.991 | 333.820.500 | 350.408.491 | - |
| | - | 407.611.277 | 389.419.967 | 18.191.310 |
| | 71.794.458 | 663.807.660 | 609.369.460 | 126.232.658 |
| | - | 63.210.347 | 63.210.347 | - |
| | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| | 88.382.449 | 1.471.449.784 | 1.415.408.265 | 144.423.968 |

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII

Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng,
Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 18.564.099.192 | - | - | 18.564.099.192 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 1.331.769.329 | 1.331.769.329 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | 167.668.736 | (1.331.769.329) | (1.164.100.593) |
| Số dư đầu năm nay | 18.564.099.192 | 167.668.736 | - | 18.731.767.928 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 2.059.538.118 | 2.059.538.118 |
| Phân phối lợi nhuận trong năm | - | 144.332.465 | (2.059.538.118) | (1.915.205.653) |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | - | 144.332.465 | (144.332.465) | - |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (1.785.616.765) | (1.785.616.765) |
| - Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành | - | - | (129.588.888) | (129.588.888) |
| Số dư cuối năm nay | 18.564.099.192 | 312.001.201 | - | 18.876.100.393 |

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Quyết định số 230/QĐ-CPTHKHV.VII ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc phân bổ quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi quản lý, người lao động năm 2021.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu của Công ty

Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam

Cộng

| Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------------|-----------------------|
| 18.564.099.192 | 18.564.099.192 |
| 18.564.099.192 | 18.564.099.192 |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4100733167 thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018, vốn điều lệ là 18.971.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 18.564.099.192 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 14.479.104.286 | 13.453.744.846 |
| <u>Trong đó:</u> | | |
| - Doanh thu dịch vụ hoa tiêu | 13.965.013.393 | 13.011.926.674 |
| - Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng | 514.090.893 | 441.818.172 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 14.479.104.286 | 13.453.744.846 |

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Giá vốn dịch vụ hoa tiêu | 6.526.057.154 | 5.397.656.134 |
| Cho thuê văn phòng | 130.514.675 | 137.469.363 |
| Cộng | 6.656.571.829 | 5.535.125.497 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 447.014.482 | 602.631.426 |
| Cộng | 447.014.482 | 602.631.426 |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.797.110.732 | 4.108.040.574 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 105.184.399 | 180.809.400 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 235.326.464 | 212.495.521 |
| Thuế, phí và lệ phí | - | 66.525.084 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 513.744.025 | 540.719.670 |
| Chi phí bằng tiền khác | 972.113.241 | 1.069.424.257 |
| Cộng | 5.623.478.861 | 6.178.014.506 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.582.861.147 | 2.300.171.281 |
| Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 33.754.000 | 23.496.500 |
| <i>Cộng: Chi phí không được trừ</i> | 33.754.000 | 23.496.500 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 2.616.615.147 | 2.323.667.781 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế TNDN hiện hành | 523.323.029 | 464.733.556 |
| Giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 | - | 139.420.067 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 523.323.029 | 325.313.489 |

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 690.452.202 | 534.305.043 |
| Chi phí nhân công | 8.704.320.708 | 8.406.483.239 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 382.394.348 | 421.629.351 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 697.012.349 | 1.008.189.198 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.869.078.083 | 1.385.598.172 |
| Cộng | 12.343.257.690 | 11.756.205.003 |

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

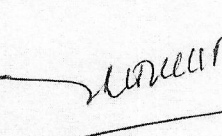
Thu nhập của Chủ tịch và Giám đốc Công ty trong năm:

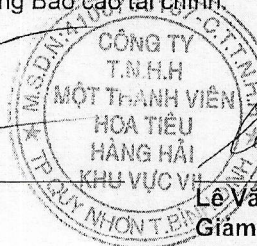
| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tiền lương và thù lao | 1.016.724.625 | 904.535.184 |
| Cộng | 1.016.724.625 | 904.535.184 |

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.


Trịnh Minh Hiệp
Người lập


Trịnh Minh Hiệp
Kế toán trưởng




Lê Văn Xếp
Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2022